

KẾ HOẠCH

Triển khai các hoạt động “Tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp giai đoạn 2025-2030” trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Quyết định số 659/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020-2030;

Căn cứ Quyết định số 2899/QĐ-BYT ngày 30/9/2024 của Bộ Y tế phê duyệt đề án “Tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất giai đoạn 2024-2030”.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai các hoạt động “Tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp giai đoạn 2025-2030” trên địa bàn tỉnh Nghệ An, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao sức khỏe, giảm tình trạng mắc các bệnh về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục của công nhân lao động (CNLD) tại các khu kinh tế (KKT), khu công nghiệp (KCN), góp phần tăng năng suất lao động cho doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu đến năm 2030

a) Mục tiêu 1:

Tăng cường sự cam kết của các sở, ngành, chính quyền địa phương, tổ chức công đoàn và các bên liên quan nhằm tạo môi trường thuận lợi cho chăm sóc sức khỏe và chăm sóc sức khỏe sinh sản (CSSKSS) của CNLD.

Các chỉ tiêu cụ thể thực hiện mục tiêu 1

- 100% chính quyền địa phương tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát liên ngành việc thực hiện các chính sách CSSKSS cho CNLD tại các khu KKT, KCN, trên địa bàn tỉnh và có báo cáo phản hồi.

- 100% các chính quyền địa phương và các cơ sở lao động trên địa bàn tỉnh ban hành kế hoạch về tư vấn và cung cấp dịch vụ CSSKSS cho công nhân lao động tại các KKT, KCN giai đoạn 2025-2030.

b) Mục tiêu 2:

Tăng cường trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách về CSSKSS cho CNLĐ.

Các chỉ tiêu cụ thể thực hiện mục tiêu 2

- Trên 50% số doanh nghiệp có quy định chế độ, chính sách về CSSKSS có lợi cho người lao động trong thỏa ước lao động tập thể, đồng thời tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm thực hiện trách nhiệm xã hội trong CSSKSS của CNLĐ.

- 90% doanh nghiệp tổ chức tuyên truyền các chế độ, chính sách của Nhà nước về CSSKSS cho CNLĐ.

- 90% doanh nghiệp phối hợp với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tổ chức truyền thông, tư vấn kết hợp cung cấp dịch vụ CSSKSS phù hợp với điều kiện sinh hoạt và thời gian làm việc của CNLĐ, giá cả phù hợp và đảm bảo chất lượng theo quy định của Bộ Y tế.

- 90% cơ sở y tế tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh được tập huấn về nội dung các chính sách trong CSSKSS cho CNLĐ.

c) Mục tiêu 3:

Nâng cao năng lực cho hệ thống y tế trong việc cung cấp dịch vụ CSSKSS phù hợp với điều kiện sinh hoạt và thời gian làm việc của CNLĐ tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh.

Các chỉ tiêu cụ thể thực hiện mục tiêu 3:

- 80% các cơ sở cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong và ngoài công lập có đủ năng lực tổ chức thực hiện tư vấn và cung cấp các gói dịch vụ cơ bản trong CSSKSS cho CNLĐ tại các KKT trên địa bàn tỉnh.

- 100% người cung cấp dịch vụ chuyên khoa phụ sản biết và thực hiện đúng các bước khám chuyên khoa phụ sản trong khám sức khỏe định kỳ cho lao động nữ theo quy định của Bộ Y tế.

d) Mục tiêu 4:

Nâng cao nhận thức và tăng cường khả năng tiếp cận của CNLĐ tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh tới dịch vụ CSSKSS, sức khỏe tình dục phù hợp.

Các chỉ tiêu cụ thể thực hiện mục tiêu 4

- 95% CNLĐ nắm được các chính sách cơ bản liên quan đến CSSKSS, sức khỏe tình dục.

- 95% CNLĐ tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh được truyền thông thay đổi hành vi, tư vấn về CSSKSS/sức khỏe tình dục.

- 90% CNLĐ tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh sử dụng dịch vụ CSSKSS, sức khỏe tình dục, bao gồm các dịch vụ dự phòng, sàng lọc các bệnh nhiễm khuẩn, ung thư đường sinh sản.

- 90% CNLĐ chuẩn bị kết hôn được tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân.
- 95% lao động nữ mang thai biết các biện pháp dự phòng, sàng lọc, phát hiện sớm các bệnh lây truyền từ mẹ sang con (*HIV, viêm gan B và giang mai*).

II. THỜI GIAN VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện: Từ năm 2025 đến hết năm 2030.

2. Đối tượng

a) Đối tượng thụ hưởng của Kế hoạch: Công nhân lao động tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng tác động:

- Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp và người sử dụng lao động tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh.

- Cán bộ y tế, các cơ sở y tế thực hiện công tác khám sức khỏe sinh sản, các cơ sở y tế công lập trên địa bàn có KKT, KCN trên địa bàn tỉnh.

III. GIẢI PHÁP VÀ HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Nội dung hoạt động của Kế hoạch triển khai các hoạt động “Tư vấn và cung cấp dịch vụ CSSKSS cho CNLĐ tại các KKT, KCN giai đoạn 2025-2030” trên địa bàn tỉnh Nghệ An tập trung vào các giải pháp chính sau đây:

1. Tăng cường truyền thông, vận động chính sách

a) Nghiên cứu, đề xuất và triển khai thực hiện kịp thời các chính sách liên quan đến lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ - trẻ em trong hệ thống pháp luật.

b) Tổ chức các hoạt động truyền thông về tầm quan trọng của công tác CSSK nói chung và CSSKSS nói riêng đối với CNLĐ bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú nhằm tạo sự đồng thuận và tăng cường trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp và người sử dụng lao động trong việc xây dựng, ban hành và thực thi các chính sách CSSKSS cho CNLĐ tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh.

c) Tổ chức các hoạt động kết nối giữa nhà cung cấp dịch vụ, đại diện các doanh nghiệp, đại diện người lao động nhằm huy động nguồn kinh phí xã hội hóa để xây dựng và thực hiện các chính sách CSSKSS cho CNLĐ trong khuôn khổ Kế hoạch.

d) Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan truyền thông đại chúng vận động chính sách bằng cách giám sát, phản biện xã hội, góp ý cho chính sách, chương trình, kế hoạch hoạt động CSSKSS cho CNLĐ.

đ) Huy động mọi nguồn lực (*nhân lực, tài chính...*) và tạo môi trường xã hội thuận lợi cho công tác CSSKSS cho CNLĐ.

e) Huy động các tổ chức xã hội dân sự thực hiện thí điểm các mô hình can thiệp CSSKSS cho CNLĐ tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh.

g) Truyền thông vận động người sử dụng lao động hỗ trợ và tạo điều kiện để CNLĐ được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ CSSKSS.

2. Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế làm công tác truyền thông, tư vấn và cung cấp dịch vụ CSSKSS cho CNLĐ

a) Tham gia các lớp đào tạo về CSSKSS, sức khỏe tình dục cho CNLĐ, đặc biệt là CNLĐ tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh do trung ương tổ chức.

b) Tổ chức và đa dạng hóa loại hình đào tạo cho cán bộ y tế, kể cả người làm công tác y tế trong doanh nghiệp và cán bộ công đoàn cơ sở tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh về tư vấn, cung cấp dịch vụ CSSKSS cho CNLĐ.

c) Xây dựng danh mục trang thiết bị, vật tư phục vụ tổ chức khám sức khỏe định kỳ tại các KKT trên địa bàn tỉnh.

d) Xây dựng hướng dẫn tổ chức thực hiện khám sức khỏe định kỳ tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh.

3. Truyền thông, tư vấn và cung cấp dịch vụ CSSKSS phù hợp với điều kiện sinh hoạt và thời gian làm việc của CNLĐ tại các KKT, KCN.

a) Triển khai thực hiện các loại hình cung cấp dịch vụ CSSKSS phù hợp với CNLĐ về thời gian, địa điểm như: Tổ chức phòng khám lưu động hoạt động phù hợp với điều kiện sinh hoạt, thời gian làm việc của CNLĐ tại địa bàn có KKT, KCN; Tổ chức các đợt tư vấn kết hợp cung cấp dịch vụ CSSKSS cho CNLĐ, tư vấn tiền hôn nhân trong các ngày hội sức khỏe, tháng công nhân; Cung cấp dịch vụ CSSKSS thân thiện, phù hợp đặc thù cho CNLĐ tại các cơ sở y tế địa phương. Nội dung tư vấn và cung cấp dịch vụ CSSKSS cần tập trung vào các chủ đề như: Tư vấn và CSSKSS, sức khỏe tình dục trong đó có tình dục an toàn; Tư vấn tiền hôn nhân; Kế hoạch hóa gia đình; Khám, chữa các bệnh phụ khoa thông thường; Sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung và các bệnh ung thư đường sinh sản khác; Dự phòng vô sinh, hiếm muộn; Làm mẹ an toàn...

b) Triển khai kết nối giữa mạng lưới truyền thông của doanh nghiệp với các cơ sở y tế địa phương nhằm hình thành mạng lưới tư vấn, chuyển tuyến, cung cấp dịch vụ CSSKSS phù hợp với CNLĐ.

4. Xây dựng mô hình điểm và nhân rộng

a) Xây dựng mô hình điểm về tư vấn và cung cấp dịch vụ CSSKSS cho CNLĐ tại KKT, KCN theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

b) Nhân rộng quy mô về tư vấn và cung cấp dịch vụ CSSKSS cho CNLĐ tại KKT, KCN khi mô hình điểm triển khai có hiệu quả.

5. Kiểm tra, giám sát

Tăng cường phối hợp liên ngành kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về tư vấn và cung cấp dịch vụ CSSKSS cho CNLĐ tại KKT, KCN trên địa bàn tỉnh.

6. Báo cáo, thống kê

a) Xây dựng, áp dụng hệ thống cơ sở dữ liệu, phần mềm báo cáo công tác CSSKSS tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện tin học hóa các hoạt động quản lý, chăm sóc và nâng cao sức khỏe sinh sản cho CNLĐ; Đồng bộ và kết nối hệ thống thông tin từ cơ sở lao động đến các tuyến.

c) Tăng cường đôn đốc, hướng dẫn các KKT, KCN hiện báo cáo về CSSKSS. Đề xuất xử lý đối với các cơ sở lao động không thực hiện báo cáo, thống kê theo quy định.

d) Áp dụng, cập nhật bộ chỉ số, công cụ theo dõi, đánh giá về CSSKSS cho CNLĐ khi có hướng dẫn của Cục Bà mẹ - Trẻ em.

đ) Tập huấn cho đội ngũ làm công tác thống kê, báo cáo nhằm nâng cao chất lượng báo cáo.

e) Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả về tư vấn và cung cấp dịch vụ CSSKSS cho CNLĐ; Điều chỉnh, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong công tác phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Ngân sách Trung ương (nếu có).

2. Ngân sách địa phương: Ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình y tế - dân số hàng năm; Huy động nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc ngân sách của các cơ quan, đơn vị; Phúc lợi của các doanh nghiệp; Hỗ trợ giảm giá các nhà cung cấp dịch vụ y tế; Các đơn vị lồng ghép thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đang thực hiện trên địa bàn.

3. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch; hằng năm xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí trình Sở Tài chính để thẩm định, phê duyệt.

b) Chỉ đạo các đơn vị trong ngành lồng ghép triển khai nội dung của Kế hoạch với các hoạt động chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, dân số - kế hoạch hóa gia đình, phòng chống HIV/AIDS cho CNLĐ tại các KKT, KCN.

c) Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế về công tác truyền thông, tư vấn và cung cấp dịch vụ CSSKSS cho CNLĐ (*về chuyên môn kỹ thuật, công tác tổ chức tư vấn, cung cấp dịch vụ*); Tập huấn cho cán bộ y tế/người phụ trách y tế, đoàn thanh niên các cấp, cán bộ công đoàn tại các doanh nghiệp trong các KCN về kiến thức CSSKSS, tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn.

d) Nâng cao năng lực cho cán bộ Y tế tại khu công nghiệp để đáp ứng được các hoạt động tư vấn, cung cấp gói dịch vụ cơ bản về CSSKSS.

e) Tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn kết hợp với cung cấp dịch vụ CSSKSS cho CNLĐ phù hợp với điều kiện sinh hoạt, thời gian làm việc của CNLĐ tại các KCN.

g) Phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh, các công đoàn cơ sở, Ban quản lý các KKT, KCN tổ chức các hoạt động phối hợp giữa các bên liên quan, bao gồm đơn vị cung cấp dịch vụ y tế, đại diện doanh nghiệp, đại diện CNLĐ để vận động nguồn lực, nhằm xây dựng và thực hiện chính sách về CSSKSS cho CNLĐ.

h) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách về CSSKSS cho CNLĐ, các nội dung khám chuyên khoa phụ sản trong khám sức khỏe định kỳ cho lao động nữ tại các doanh nghiệp; Đánh giá, tổng kết việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch; định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện về UBND tỉnh và Bộ Y tế.

2. Sở Tài chính

Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành trong khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

3. Sở Nội vụ

- Lồng ghép kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách CSSKSS cho CNLĐ khi thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động của các doanh nghiệp tại các KKT, KCN.

- Phối hợp với ngành Y tế, lồng ghép tuyên truyền về chăm sóc SKSS trong các chương trình, đề án, kế hoạch liên quan đang thực hiện của đơn vị.

4. Sở Tư pháp

Phối hợp với Sở Y tế và các ngành có liên quan tuyên truyền các chính sách pháp luật có liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động.

5. Sở Công Thương, Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam

a) Phối hợp với ngành Y tế, tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về CSSKSS cho NLĐ tại các KKT, KCN thuộc lĩnh vực quản lý.

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan tham gia kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các cơ sở lao động triển khai thực hiện chế độ, chính sách CSSKSS cho CNLĐ tại các KKT, KCN.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Nghệ An.

Hàng năm, phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo, tổ chức các hoạt động truyền thông chăm sóc sức khỏe sinh sản cho CNLĐ tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể khác

a) Tăng cường phối hợp, vận động các tổ chức thành viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe, nhằm nâng cao nhận thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động tại các khu chế xuất, khu công nghiệp, đồng thời đẩy mạnh công tác giám sát việc thực hiện các chính sách liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người lao động.

b) Liên đoàn Lao động tỉnh

- Tăng cường phối hợp với Sở Y tế tổ chức các hoạt động truyền thông, lồng ghép truyền thông về chăm sóc SKSS phù hợp với CNLĐ.

- Chỉ đạo, hướng dẫn công đoàn cơ sở thương lượng, đối thoại để đưa các nội dung về chăm sóc SKSS có lợi hơn luật định vào Thỏa ước lao động tập thể của đơn vị.

8. Chính quyền các địa phương có KKT, KCN đóng trên địa bàn.

a) Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung Kế hoạch của UBND tỉnh và tình hình thực tế, chỉ đạo các đơn vị, ban, ngành, đoàn thể địa phương tích cực phối hợp triển khai hoạt động truyền thông, tư vấn và cung cấp dịch vụ CSSKSS cho CNLĐ tại các KCN.

b) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác an toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe, chăm sóc sức khỏe sinh sản cho CNLĐ tại các KKT, KCN trên địa bàn; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế.

9. Các doanh nghiệp tại các khu kinh tế, khu công nghiệp

a) Hàng năm, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan, xây dựng kế hoạch để triển khai các hoạt động của Kế hoạch này đảm bảo đạt các chỉ tiêu giao.

b) Có quy định chế độ, chính sách về CSSKSS có lợi hơn cho người lao động trong thỏa ước lao động tập thể, đồng thời tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm thực hiện trách nhiệm xã hội trong CSSKSS của CNLĐ.

c) Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về CSSKSS cho CNLĐ, đảm bảo chế độ chính sách cho người lao động và các nội dung theo mục tiêu của kế hoạch này.

d) Triển khai một số hoạt động:

- Tổ chức tuyên truyền các chế độ, chính sách của Nhà nước về chăm sóc SKSS cho CNLĐ.

- Tổ chức truyền thông, tư vấn kết hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cung cấp dịch vụ CSSKSS phù hợp với điều kiện sinh hoạt và thời gian làm việc của CNLĐ.

- Phối hợp với các đơn vị y tế có đủ điều kiện, tập huấn về nội dung các chính sách CSSKSS, sức khỏe tình dục cho cán bộ y tế cơ quan, CNLĐ.

- Phối hợp với các đơn vị y tế tổ chức truyền thông thay đổi hành vi, tư vấn về CSSKSS/sức khỏe tình dục cho CNLĐ. Lao động nữ mang thai biết các biện pháp dự phòng, sàng lọc, phát hiện sớm các bệnh lây truyền từ mẹ sang con (*HIV, viêm gan B và giang mai*).

- Tổ chức các dịch vụ CSSKSS, sức khỏe tình dục, bao gồm các dịch vụ dự phòng, sàng lọc các bệnh nhiễm khuẩn, ung thư đường sinh sản cho CNLĐ; Tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân cho CNLĐ.

Trên đây là Kế hoạch triển khai các hoạt động “Tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp giai đoạn 2025 -2030” trên địa bàn tỉnh Nghệ An. UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện; Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Y tế trước ngày 10/12 để tổng hợp báo cáo Bộ Y tế, UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (b/c);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo - Đài PTTH Nghệ An;
- Ban Quản lý KKT Đông Nam;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KGVX (TP, P).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đình Long